

Số: 37/2025/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 58/TTr-STC ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Công văn số 483/STC-QLGCS ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc ban hành Quy định phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 369/BC-STP ngày 25 tháng 12 năm 2024 và Công văn số 495/STP-XDKT&TDTHPL ngày 20 tháng 3 năm 2025; ý kiến thống nhất của thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và thay thế Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm

2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Nhu Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, các đoàn thể chính trị-xã hội;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh, phụ trách địa bàn tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P. Chuyên môn;
- Lưu: VT, P.KTTHa179

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH



Võ Phiên



**Phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá,
thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Phân công nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 16 của Luật Giá số 16/2023/QH15 và các quy định, hướng dẫn pháp luật về giá;

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (Sau đây gọi tắt là Sở quản lý ngành, lĩnh vực) là các cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước đối với hàng hóa, dịch vụ trong từng ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) là cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước tại địa phương thuộc phạm vi quản lý theo phân công tại Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định, phân công nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc để tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước theo ngành, lĩnh vực, địa phương theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 BÌNH ỔN GIÁ

Điều 4. Điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá

1. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Đánh giá sự cần thiết của việc đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá trên cơ sở tiêu chí về hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Giá và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

b) Thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Tham mưu UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá.

d) Hoàn thiện hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp, hướng dẫn các Sở quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá.

b) Xem xét sự cần thiết đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá.

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá gửi Bộ Tài chính.

Điều 5. Tổ chức thực hiện bình ổn giá theo Khoản 1 Điều 20 của Luật Giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nội dung hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực về thực hiện bình ổn giá trên địa bàn tỉnh theo đúng yêu cầu, tiến độ quy định.

b) Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện bình ổn giá trên địa bàn tỉnh cho các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 của Luật Giá hoặc yêu cầu doanh nghiệp báo cáo một số yếu tố hình thành giá.

b) Tổ chức kiểm soát hàng hóa tồn kho của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

c) Đánh giá cung cầu hàng hóa, dịch vụ.

d) Báo cáo kết quả thực hiện điểm a, điểm b, điểm c khoản này gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện bình ổn giá theo điểm a khoản 2 Điều 20 của Luật Giá

1. Sở Tài chính chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cho các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Chính phủ; tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Tổ chức thực hiện bình ổn giá theo điểm b khoản 2 Điều 20 của Luật Giá

1. Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính tổng hợp kết quả thực hiện bình ổn giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ và gửi Bộ Tài chính.

3. Nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức thực hiện bình ổn giá tại phạm vi địa phương:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc – xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật.

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng dầu, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi; thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh phân công.

Mục 2 ĐỊNH GIÁ

Điều 8. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

1. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực

a) Đánh giá sự cần thiết của việc đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trên cơ sở tiêu chí hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Giá và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Hoàn thiện hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

b) Xem xét sự cần thiết đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá gửi Bộ Tài chính.

Điều 9. Lập, thẩm định, điều chỉnh phương án giá hàng hóa, dịch vụ

1. Đối với hàng hóa, dịch vụ khác tại điểm đ khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá: Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực được giao nhiệm vụ thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định này.

3. Sở quản lý ngành, lĩnh vực được phân công thẩm định phương án giá tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh giá; thẩm định phương án giá điều chỉnh và trình văn bản điều chỉnh giá.

4. Việc lập, thẩm định giá đối với các hàng hóa, dịch vụ khác ngoài danh mục hàng hóa, dịch vụ tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định này thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật chuyên ngành của hàng hóa, dịch vụ đó. Trường hợp pháp luật chuyên ngành không quy định thì Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ cho các Sở quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện lựa chọn cơ quan, tổ chức, đơn vị lập phương án giá; tổ chức thẩm định phương án giá và trình cơ quan có thẩm quyền định giá xem xét, quyết định.

Điều 10. Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá

Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì Ủy ban nhân dân tỉnh giao các Sở quản lý ngành, lĩnh vực được phân công thẩm định phương án giá quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan), phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh.

Mục 3 KÊ KHAI GIÁ

Điều 11. Điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá; lựa chọn hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương

1. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Đánh giá sự cần thiết của việc đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên cơ sở tiêu chí về hàng hóa, dịch vụ thiết yếu quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật Giá và khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

- Thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

- Hoàn thiện hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục dịch vụ, hàng hóa thực hiện kê khai giá.

- Xem xét sự cần thiết đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá gửi Bộ Tài chính.

3. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực căn cứ danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định này và yêu cầu, mục tiêu quản lý, tình hình thực tế tại địa phương, trường hợp cần thiết thì thực hiện đánh giá và đề xuất việc tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, lựa chọn.

Điều 12. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá; đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

1. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tiếp nhận kê khai giá theo phân công tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định này.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực theo nhiệm vụ được phân công tiếp nhận văn bản kê khai giá quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm rà soát, lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Giá trước ngày 05 tháng 01 hàng năm, gửi Sở Tài chính tổng hợp.

3. Sở Tài chính chủ trì, hướng dẫn các Sở quản lý ngành, lĩnh vực rà soát tổng thể để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thời gian thực hiện trước ngày 05 tháng 02 hàng năm.

4. Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì các Sở quản lý ngành, lĩnh vực gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung.

5. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

a) Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các Sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh.

b) Cơ quan có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định này.

Mục 4 **TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG** **CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ**

Điều 13. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; chế độ báo cáo giá thị trường

1. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

a) Sở Tài chính;

b) Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị có liên quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường tại Điều 14 Quy định này;

c) Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Chế độ báo cáo giá thị trường

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ, báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương, trực tiếp báo cáo Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) và UBND tỉnh.

b) Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan có liên quan thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ quản lý ngành, lĩnh vực khi có yêu cầu; gửi báo cáo định kỳ, đột xuất cho Sở Tài chính tổng hợp.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý gửi Sở

Tài chính tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định; Phối hợp với các Sở quản lý ngành, lĩnh vực trong việc thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường chuyên ngành khi có yêu cầu.

Điều 14. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các hàng hóa thuộc mục I, mục II Phụ lục II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Sở Xây dựng tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các hàng hóa thuộc mục III, mục V Phụ lục II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC (trừ mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)).

3. Sở Công Thương tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa, dịch vụ là Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) tại Số thứ tự 38 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

4. Sở Y tế tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các dịch vụ thuộc mục IV Phụ lục II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các dịch vụ tại Số thứ tự 45, Số thứ tự 46 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

6. Chi Cục Thống kê tỉnh phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; Phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

7. Các cơ sở giáo dục đại học công lập phạm vi quản lý của tỉnh báo cáo giá thị trường đối với dịch vụ tại Số thứ tự 47 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC; cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh báo cáo giá thị trường đối với dịch vụ tại Số thứ tự 48 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn huyện quản lý đối với hàng hóa thuộc mục I Phụ lục II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Điều 15. Thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo giá thị trường địa phương

1. Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

2. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân công tại Điều 14 Quy định này định kỳ xây dựng và gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 24 của tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 26 của tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

b) Sở Tài chính tổng hợp và xây dựng báo cáo giá thị trường, trực tiếp báo cáo Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 05 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo giá thị trường đột xuất thực hiện đảm bảo kịp thời theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

Điều 16. Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư nâng cấp và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; đảm bảo tập hợp thông tin, dữ liệu của giá hàng hóa, dịch vụ dưới dạng điện tử, được chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ, quản lý, sắp xếp, tổ chức, truy cập, khai thác thông qua phương tiện điện tử theo quy định tại Luật Giá, Nghị định 85/2024/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và phải được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương đảm bảo kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

3. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính trong quá trình xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát Quy chế quy định việc quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để triển khai theo đúng quy định của Luật Giá, Nghị định 85/2024/NĐ-CP, các văn bản quy phạm pháp luật khác và Quyết định này.

Mục 5
KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ
**KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH
GIÁ**

Điều 17. Phân công nhiệm vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân công quản lý nhà nước về giá theo ngành, lĩnh vực, địa bàn phải thường xuyên theo dõi để phát hiện những biến động bất thường về giá hàng hóa, dịch vụ có khả năng ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống người dân, mặt bằng giá thị trường và khi xảy ra khi tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về những biến động bất thường về giá hàng hóa dịch vụ và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời xem xét quyết định thực hiện các giải pháp, biện pháp theo thẩm quyền quản lý, điều tiết giá phù hợp.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá, định giá, kê khai giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 12 Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, cử cán bộ công chức quản lý địa bàn, khu vực tham gia thực hiện nhiệm vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá khi có yêu cầu của Sở quản lý ngành, lĩnh vực.

Điều 18. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của Nhà nước

1. Sở Tài chính

a) Kiểm tra các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này và việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá của Nhà nước theo quy định của Luật Giá.

b) Xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành về giá, thẩm định giá của Nhà nước tại điểm a khoản này.

c) Trên cơ sở đề xuất của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch kiểm tra của toàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành, thời gian thực hiện trước ngày 15 tháng 12 hàng năm; trường hợp có những lý do cần điều chỉnh kế hoạch kiểm tra, Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

d) Hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai kế hoạch kiểm tra việc chấp hành về giá, thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Chậm nhất ngày 30 tháng 11 hàng năm, xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá gửi Sở Tài chính tổng hợp; trường hợp có lý do cần điều chỉnh kế hoạch kiểm tra phải nêu rõ lý do điều chỉnh kế hoạch kiểm tra, gửi Sở Tài chính tổng hợp.

d) Báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của Nhà nước về Sở Tài chính định kỳ trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.

3. Trình tự, thủ tục kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung quản lý Nhà nước về giá và thẩm định giá của Nhà nước không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá năm 2023, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện các quy định pháp luật về giá, các quy định pháp luật khác có liên quan và Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh đến Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I
PHÂN CÔNG CƠ QUAN THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ
VÀ THAM MUU QUY ĐỊNH ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT
CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
ĐỊNH GIÁ

(Ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5
năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
A	Định khung giá		
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
B	Định giá tối đa		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa, trừ cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp

ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hang hóa, dịch vụ	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
C	Định giá cụ thể		
I	Định giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của các Bộ, ngành		
1	Nước sạch		
1.1	Nước sạch nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
1.2	Nước sạch đô thị	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
II	Định giá cụ thể		
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh		Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực
4	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng

ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hang hóa, dịch vụ	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
8	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Tài chính	Sở Tài chính
9	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
10	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công thương	Sở Công thương
D	Định khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ		
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực	Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực

Phụ lục II
PHÂN CÔNG CƠ QUAN TIẾP NHẬN VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ
VÀ THAM MUU QUY ĐỊNH ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA
HÀNG HÓA DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phẩm		Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ		Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK		Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản		Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm		Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Thuốc bảo vệ thực vật		Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh		Sở Y tế
II	Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Theo số thứ tự 1.B Phụ lục I	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân	Theo số thứ tự 1.A	Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
	sách nhà nước, do địa phương quản lý	Phụ lục I	
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Theo số thứ tự 2.B Phụ lục I	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa, trù cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Theo số thứ tự 3.B Phụ lục I	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Theo số thứ tự 4.B Phụ lục I	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Theo số thứ tự 2.A Phụ lục I	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Theo số thứ tự 5.B Phụ lục I	Sở Xây dựng
8	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt)	Theo số thứ tự 6.B Phụ lục I	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Theo số thứ tự 7.B Phụ lục I	Sở Tư pháp
10	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực	Sở quản lý ngành, lĩnh vực, UBND cấp huyện (nếu có)
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành		
1	Xi măng		Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư		Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)		Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
4	Thép xây dựng		Sở Công Thương
5	Than		Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính		Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)		Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản		Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện		Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Muối ăn		Sở Nông nghiệp và Môi trường
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá		Sở Xây dựng
12	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm		Sở Xây dựng
13	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ		Sở Xây dựng
14	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
15	Thiết bị y tế		Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (ngoài các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê khai giá tại Bộ Y tế)		Sở Y tế
17	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân		Sở Y tế

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương (áp dụng linh hoạt nếu cần thiết):		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Tài chính	Sở Tài chính
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công Thương	Sở Công Thương
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường